

Số: 57/2013/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bổ sung, điều chỉnh và bãi bỏ một số loại phí, lệ phí  
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Sau khi xem xét Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định điều chỉnh, bổ sung mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị thu đối với một số loại phí, lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh (theo phụ lục số 01 kèm theo nghị quyết).

2. Điều chỉnh mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại đơn vị thu đối với Phí chợ thị xã Hồng Lĩnh; tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại đơn vị thu đối với khoản thu phí trông giữ xe máy tại chợ thị xã Hồng Lĩnh; Quy định Lệ phí cấp phép xả nước thải vào nguồn nước (theo phụ lục số 02 kèm theo nghị quyết).

3. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường từ hoạt động khai thác khoáng sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn do Cục thuế quản lý:

- Thuế tài nguyên ngân sách tỉnh hưởng 100%;
- Phí bảo vệ môi trường ngân sách tỉnh hưởng 100%.

**Điều 2.** Bãi bỏ Phí đậu xe, trả khách, giao hàng và Phí đậu bến lấy khách quy định tại Phụ lục số 01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV kỳ họp thứ 10 ngày 18 tháng 12 năm 2003 về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu một số loại phí, học phí, tiền xây dựng trường học.

**Điều 3.** Các quy định tại Điều 1 thay thế:

1. Nghị quyết số 139/2010/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định bổ sung, điều chỉnh phí vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Mức thu phí chợ tại chợ thị xã Hồng Lĩnh được quy định tại Mục II, Điểm 5, Điều 1 Nghị quyết số 80/2008/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung, sửa đổi một số loại phí, lệ phí, học phí; giá thu một phần viện phí Phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã, phường, thị trấn và chính sách huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) để lại đơn vị thu đối với phí trông giữ xe máy tại Chợ Thị xã Hồng Lĩnh được áp dụng tại Mục 1.2, Điểm 1, Điều 1, Nghị quyết số 97/2008/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định bổ sung một số loại phí, lệ phí; tỷ lệ điều tiết ngân sách và phụ cấp cho giáo viên mầm non ngoài biên chế trên địa bàn.

4. Mục 17, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 61/2007/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị thu một số loại phí, lệ phí; phân bổ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

**Điều 4.** Thời gian tổ chức thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

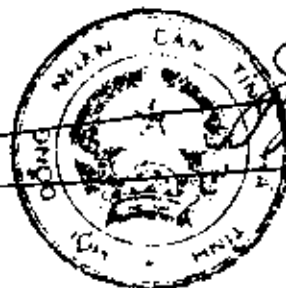
Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 7 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh QK4;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Thông tin - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Công báo - Tin học VP UBND tỉnh; *Đau*
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Bình**



Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

Phụ lục số 01

**PHÍ VỀ SINH LẬP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh)

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)			
			Thành phố Hà Tĩnh	Thị xã Hồng Lĩnh	Các thị trấn và Khu du lịch Xuân Thành	Thị trấn Vũ Quang và các xã khác
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình (nơi có tổ chức thu gom)</b>					
1	Không kinh doanh:					
	- Hộ thuộc phường, thị trấn	đ/hộ/tháng	20.000	15.000	12.000	
	- Hộ thuộc xã ngoại thành, ngoại thị	đ/hộ/tháng	15.000	12.000		10.000
2	Có sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ					
	- Có khối lượng rác < 1 m <sup>3</sup> /tháng	đ/hộ/tháng	50.000	40.000	30.000	25.000
	- Có khối lượng rác > 1 m <sup>3</sup> /tháng	đ/m <sup>3</sup>	100.000	90.000	65.000	55.000
3	Kinh doanh nhà nghỉ, nhà trọ	đ/phòng	10.000	8.000	7.000	6.000
4	Kinh doanh ăn uống	đ/m <sup>3</sup>	120.000	90.000	70.000	60.000
<b>II</b>	<b>Cơ quan, đơn vị, hành chính sự nghiệp, văn phòng</b>					
1	Các trường: Tiểu học, trung học cơ sở, mẫu giáo, mầm non	đ/đvị/tháng	80.000	70.000	60.000	50.000
2	Trường trung học phổ thông	đ/đvị/tháng	90.000	80.000	70.000	60.000
3	Trường đại học, cao đẳng, THCN, dạy nghề	đ/đvị/tháng	100.000	90.000	80.000	70.000
4	Cơ quan hành chính sự nghiệp, văn phòng doanh nghiệp, trụ sở HTX (không sử dụng để kinh doanh)	đ/đvị/tháng				
	- Có số người < 40 người		90.000	80.000	75.000	70.000

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)			
			Thành phố Hà Tĩnh	Thị xã Hồng Lĩnh	Các thị trấn và Khu du lịch Xuân Thành	Thị trấn Vũ Quang và các xã khác
	- Có số người từ 40 người trở lên		100.000	90.000	85.000	75.000
5	Bệnh viện (không kể chất thải y tế nguy hại)	đ/m <sup>3</sup>	110.000	80.000	70.000	60.000
6	Trạm y tế (không kể chất thải y tế nguy hại)	đ/đvị/tháng	60.000	50.000	40.000	25.000
7	- Rác thải tại các chợ (thu qua BQL chợ)	đ/m <sup>3</sup>	140.000	100.000	70.000	60.000
	- Phí thu gom rác thải đối với các hộ KD trong đình chợ	đ/đvị/tháng	40.000	30.000	25.000	20.000
	- Phí thu gom rác thải đối với các hộ KD ngoài đình chợ	đ/đvị/tháng	25.000	20.000	15.000	12.000
III	<b>Các cơ sở sản xuất kinh doanh</b>					
1	Cơ sở sản xuất kinh doanh, bến xe	đ/m <sup>3</sup>	140.000	100.000	70.000	60.000
2	Nhà hàng, khách sạn	đ/m <sup>3</sup>	120.000	100.000	90.000	60.000
3	Phòng khám đa khoa (không kể chất thải y tế nguy hại)	đ/đvị/tháng	100.000	80.000	70.000	60.000
4	Rác thải các công trình xây dựng, cơ sở sản xuất nhôm kính, dây da, mện nút; sửa chữa điện máy, ô tô; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm... (không kể chất thải nguy hại)	đ/m <sup>3</sup>	160.000	140.000	130.000	110.000

*Handwritten signature*



Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 7 năm 2013

Phụ lục số 02

**PHÍ CHỢ, PHÍ TRÔNG GIỮ XE MÁY TẠI CHỢ THỊ XÃ HỒNG LĨNH; LỆ PHÍ CẤP PHÉP  
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ TỈ LỆ TRÍCH ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ THU PHÍ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ trích để lại đơn vị thu (%)
1	Điểm kinh doanh trong đình chợ			
-	Hộ kinh doanh thường xuyên	đ/m <sup>2</sup> /tháng	20.000	70%
-	Hộ kinh doanh không thường xuyên	đ/lượt	3.000	
2	Điểm kinh doanh Ngoài đình chợ			
-	Hộ kinh doanh thường xuyên	đ/m <sup>2</sup> /tháng	10.000	70%
-	Hộ kinh doanh không thường xuyên	đ/lượt	2.000	
3	Phí trông giữ xe máy tại chợ	đ/lượt	2.000	70%
4	Lệ phí cấp phép xả thải vào nguồn nước			
-	Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	đ/giấy phép	80.000	30%
-	Trường hợp gia hạn điều chỉnh nội dung giấy phép	đ/giấy phép	40.000	